

Phan Văn

TRƯƠNG-TỬU

UÔNG RƯỢU VỚI TÀN-ĐÀ

Pha hình và định giá một thời-đại
đại biểu cuộc sống của thời kỳ Việt-Nam



TÀN ĐÀ 1939

ĐẠI ĐỒNG THƯ XÃ

Trần Văn

TRƯƠNG-TỬU

UÔNG RƯỢU VỚI TÀN-ĐÀ

*Phê bình và định giá một thi-sĩ
đại biểu cuối cùng của thơ cũ Việt-Nam*



TÀN ĐÀ 1939

ĐẠI ĐỒNG THƯ XÃ

Uống rượu với Tản Đà

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mục lục

[Phần 1](#)

[Phần 2](#)

Trương Tửu

Uống rượu với Tản Đà

Phần 1

(Phê bình và định giá một thi sĩ đại biểu cuối cùng của thơ cũ Việt Nam)

Lời dẫn của người sưu tầm:

Uống rượu với Tản Đà có lẽ là cuốn sách về Tản Đà ra mắt sớm nhất, ngay khi nhà thơ Nguyễn Khắc Hiếu còn tại thế. Không ít cuốn sách và bài viết ngay sau đó có nhắc đến cuốn sách này của Trương Tửu, nhưng trong khoảng năm chục năm trở lại đây, hầu như không thấy ai còn nhắc tới hoặc trích dẫn cuốn này (ví dụ lần in gần đây cuốn sách của Văn Tâm: Tản Đà khối mâu thuẫn lớn, Nxb. Văn nghệ TP.HCM, 2003). Có thể xem cuốn này của Trương Tửu cũng như cuốn Thi sĩ Tản Đà (1939) của Lê Thanh như những tài liệu đã bị mất.

Rất mừng là trong số những tư liệu mà Thư viện quốc gia Pháp tặng bản chụp (microfilm) cho thư viện quốc gia Việt Nam gần đây có cuốn sách mỏng này của Trương Tửu.

Cuốn sách ra đời ngay hồi đầu năm 1939; đây là loại sách mỏng, nằm trong một tủ sách xuất bản 12 cuốn/năm của Đại Đồng thư xã, - cơ quan mà tác giả chính của các ấn phẩm đồng thời là giám đốc: Trương Tửu. Trên bìa cuốn này, có thể đọc thấy những quảng cáo cho các cuốn sách mỏng khác của ông: Vấn đề thơ mới, Những thí nghiệm của ngòi bút tôi, v.v.

Sự đánh giá và lý giải về tác gia Tản Đà trong cuốn sách mỏng này của Trương Tửu cố nhiên vị tất đã nên xem là thoả đáng. Điều tôi, người sưu tầm, muốn đưa lại cho bạn đọc và giới nghiên cứu không phải là một cách nhìn “chuẩn mực” hay “mẫu mực” nào mà chỉ là văn bản một công trình phê bình tác gia Tản Đà của Trương Tửu, một văn bản đã bị mất lâu nay và chỉ vừa mới tìm lại được. Ít nhất, bạn có thể đồng ý với tôi: đây là một văn bản hiếm và quý.

Lại Nguyên Ân

Tặng cô hàng tạp hoá vô danh ở phố Hàng Bồ, Hà Nội

I. Bữa rượu tam đỉnh

Thi sĩ rót rượu mời chúng tôi:

“Thứ rượu này có ngâm đan sâm và đương quy, uống đậm giọng mà lại không hại sức khoẻ. Hai ông cứ uống thật say, không rức đầu chóng mặt gì đâu mà ngại.”

Chúng tôi chưa kịp đáp lời, cụ đã lại nói tiếp:

“Để hôm nay, tôi sào nấu lấy các thức ăn, hai ông xem. Tôi làm bếp có phần lại giỏi hơn làm văn... (cười và quay lại gọi gia nhân) Này, anh nhỏ! Anh đặt cái hoả lò nhỏ lên bàn này tôi...”

Được rồi! Anh đặt luôn cái soong chả dê này lên trên cái hoả lò nhỏ kia, cho thêm tí mỡ vào...

Được rồi! Bây giờ anh nhóm lửa cái hoả lò to kia lên để nấu canh, húp cho rã rượu... (cười và quay về chúng tôi) Ờ! Hai ông sơi rượu tự nhiên đi... Đấy, ăn trên lửa có phải ngon không?

(cười to) Một bữa rượu, ba cái hoả lò! Sang thật! Ngày xưa vua chúa dùng ngũ đỉnh, hôm nay ta

dùng tam đỉnh, chứ thua gì!

Thi sĩ chấm hết câu pha trò ngông ấy bằng một chuỗi cười lớn, nở nang, ròn tan. Tiếng cười đủ tố giác một tâm hồn cao quý, thẳng thắn và chân thành. Bao nhiêu tình yêu đời tha thiết, cụ đem phổ hoang phí cả vào tiếng cười ầm áp...

Đáp lại thịnh tình của chủ nhân, bạn tôi, ông Nguyễn Đình Lạp, nghiêng mình thưa:

“Chúng tôi được hầu rượu cụ hôm nay thật lấy làm hân hạnh và vui vẻ lắm.”

Tôi tiếp lời bạn, thân mật hơn:

“Chúng tôi không ngờ rằng nhà thơ tài hoa của núi Tản sông Đà lại nấu nướng thức ăn có nghệ thuật đến thế.”

Một nụ cười đặc ý nở kín đáo trên môi thi sĩ:

“Ấy tôi cũng đang tính cho xuất bản một quyển sách dạy nấu ăn lấy tên là Tản Đà thực phẩm.

Trong sách dạy cách chế biến các món ăn thế nào cho người rất ít tiền cũng có thể ăn ngon

được. Còn những người giàu sang thì mặc họ! Mình cần chú trọng vào người nghèo hơn...”

Tôi tán thành:

“Vâng, cụ nghĩ thế rất phải. Cụ nên cho xuất bản sách ấy chóng ngày nào hay ngày ấy. Chính chúng tôi đây cũng chờ quyển sách đó để nhờ nó mà có thể sành thêm một chút trong sự nếm. Và không khéo chúng tôi sẽ thành những tay đầu bếp giỏi cả cũng nên.”

Cụ cười vang. Chúng tôi cũng cười. Tiếng cười làm nóng cả không khí ảm đạm của gian nhà vắng vẻ. [1] Cụ lại rót một tuần rượu nữa mời chúng tôi. Chén tạc chén thù, cụ thuật cho chúng tôi nghe những quãng đời phong trần đã nếm trải. Giọng nói của thi sĩ khi trầm hùng, khi lâm ly làm sống hẳn lại cả một thời dĩ vãng. Nhờ những câu chuyện tâm sự ấy, chúng tôi hiểu thêm thi sĩ và cũng yêu thêm một người có công lớn với văn chương Việt Nam hiện tại.

Câu chuyện tâm tình, dần dần chuyển sang địa hạt triết lý. Sau khi thuật lại một vài mẫu đời luân lạc, thi sĩ nói như để kết luận:

“Ở đời, tôi tưởng nên biết thưởng thức mỗi thứ một chút và cốt nhất là phải thưởng thức cho sành, nhất là cái ăn cái uống. Hai ông tính, người ta sống được bao năm? Chẳng tiêu pha cuộc đời cho măn ý, lúc chết hai tay buông xuôi, hối tiếc cũng bằng thừa. Tuổi xuân của con người mấy lúc mà tàn? Tôi cứ xem như tôi đây vừa dạo nào còn là một thư sinh mà bây giờ đầu đã bạc cả rồi!”

Lời nói chứa đầy một tiếc nhớ mênh mang. Trong cặp mắt mơ mộng của thi sĩ lớn vờn hình bóng xa mù của những năm tháng không bao giờ trở lại nữa... Tự nhiên, tôi thấy bị xâm chiếm bởi những viễn ảnh buồn tênh của tiêu vong. Tiệc rượu lạnh hẳn đi!

Bỗng từ dưới đường cái vẳng lên một âm nhạc vô cùng ai oán. Chúng tôi giật mình, mở cửa kính, ghé mình nom xuống.

Một đám ma!

Tiếng kèn trống, tiếng hồ, nhị, tiếng khóc than làm náo động cả hai bên phố xá. Tiết trời cuối đông cũng hình như ngậm một sầu hoài tang tóc...

Đám ma đi khỏi, ba chúng tôi lại quay vào bàn rượu, mỗi người bắn khoả theo một xúc cảm riêng.

Thi sĩ thở dài nhẹ nhàng:

“Chết thế là hết! Chúng mình rồi cũng chỉ đến thế thôi! »

Rồi cụ vội hâm nóng gian phòng bằng tiếng cười thân thiết:

«Sống ngày nào, ta hãy nếm hương vị của đời ngày ấy đã. Chẳng ăn chẳng uống, lúc chết như

người xấu số kia có đem theo được gì đâu? Kia, mời hai ông sơi rượu đi! Giá ta được một tảng thịt lợn quay vừa mới khiêng qua mà đánh chén thì thú nhỉ! Hai ông! Ta cạn chén!» Trong câu bông lơn vô tình, thi sĩ để lộ một bản tính ưa hỷ lạc đến cực điểm. Tôi tưởng thi sĩ sắp hô lớn như anh chàng Pantagruel của Rabelais: “Hỷ lạc muôn năm! Rượu muôn năm!” Nhưng không.

Thi sĩ là người của phương Đông trầm nghị.

Cụ yêu hỷ lạc, yêu sống, yêu rượu có lẽ tha thiết hơn anh chàng Pantagruel. Nhưng cụ yêu có nghệ thuật. Yêu đắm thắm mà không rằm rĩ, nồng nàn mà không thô kệch. Yêu với tất cả khiếu kiểm soát mình mẫn của thiên lương.

Thi sĩ Tản Đà yêu đời, yêu hỷ lạc, yêu rượu theo kiểu một tín đồ sáng suốt của Epicure. Cụ là người bằng giác quan nhưng cũng là người bằng khối óc. Hai cái đó bổ túc nhau, sát hạch nhau, điều khiển nhau, gây thành một thăng bằng về sinh lực, riêng biệt của người épicurien. Các bạn đọc sẽ thấy, ở những trang tiếp theo đây, thơ Tản Đà chỉ là tiếng nói thông thái và trác luyện của con người épicurien ấy.

*

Thi sĩ Tản Đà sinh tại Nam Định, phố Hàng Thao, ngày hai mươi bảy tháng Tư năm Thành Thái nguyên niên (1889), tính đến nay cụ vừa chẵn 50 tuổi. Người cụ đã yếu, đầu đã bạc và hói. Cụ vốn dòng dõi quyền quý, hấp thụ nền Nho giáo từ bé. Như lời cụ thuật lại, tổ tiên xưa kia vẫn làm quan dưới triều Lê. Cập đến lúc nhà Nguyễn thế chân triều Lê, các ngài thề với nhau quyết không bao giờ chịu ra làm quan nữa. Đến đời thân sinh của thi sĩ, lời thề ấy bị phụ. Vì gia đình bần bách, thân sinh cụ, - Nguyễn Danh Kế tiên sinh, - phải đi đánh quay đất để nuôi mẹ già. Nghĩ khổ cực quá, tiên sinh đành lổi ước với tổ tiên, ra thi và chịu ấn phong của Nguyễn triều. Tiên sinh làm đến chức Ngự sử trong Kinh, giữ việc án lý. Tục truyền văn án tiên sinh hay lắm. Những lý lẽ tiên sinh dùng để gỡ tội cho bị cáo nhân bao giờ cũng danh thếp, nhiều lần vua Tự Đức đã phải khen. Muốn chứng thực tài văn án của tiên sinh, tôi tưởng không gì bằng thuật lại ở đây một vụ truy tố ly kỳ xảy ra dưới triều Tự Đức, mà trong đó tiên sinh đóng vai Ngự sử. Nguyên hồi ấy, trong cung vua Tự Đức có nuôi một con hạc rất đẹp. Vua yêu nó lắm, đã phong tước Vương cho nó. Ở cổ hạc lưng lửng một cái bài ngà. Một buổi chiều kia, hạc ta ngất ngẫu ngao du ra ngoài cửa thành và bị cắn chết bởi một con chó của người chủ quán bán hàng cơm gần đấy. Tức thời, chủ quán bị bắt giam và truy tố. Tiên sinh, ở địa vị Ngự sử, làm trạng sư cãi cho bị cáo nhân. Bản cãi rất hùng hồn và nhiễm một tính cách trào phúng rất sâu sắc. Trong đó có bốn câu dưới đây lý thú nhất:

Hạc hữu kim bài

Khuyến bất thức tự

Súc vật tương thương

Hà phương nhân sự (Dịch nghĩa: Con hạc có đeo kim bài thật, nhưng con chó không biết chữ. Đó là việc loài vật hại lẫn nhau. Việc chi đến người bị tội?)

Vua Tự Đức mến phục tài tiên sinh liền truyền tha bổng người chủ quán. [2]

Thuật lại câu chuyện trên đây, tôi chỉ cốt đánh dấu vào thơ Tản Đà một di truyền. Nó sẽ cắt nghĩa tại sao thi sĩ hay luận đến triết học, hay bàn đến nhân sự. Nó sẽ giúp ta hiểu Nho cốt của

thơ Tản Đà. Nó sẽ định giá những mộng nhớn mộng con, tình to tình nhỏ của nhà thơ Nguyễn Khắc Hiếu.

*

Ta đã có thể nhận thấy ở thi sĩ Tản Đà: 1) một bản tính épicurien; 2) một di truyền Nho cốt. Với hai yếu tố tinh thần ấy, một người có thể thành được chân thi sĩ không? Cụ Tản Đà là thi sĩ ở độ mực nào?

Quyển phê bình nhỏ này viết ra để trả lời minh bạch hai câu hỏi đó.

II. Cô hàng tạp hoá

Năm mười chín tuổi, cậu ấm Hiếu theo ông anh về Hà Nội tông học tại trường Quy thức phố Gia Ngư. Hồi ấy “ở phố Hàng Bồ số nhà hơn hai mươi về dãy bên lẻ có một người con gái ngồi bán hàng tạp hoá, không biết có phải là tuyệt sắc hay không mà tự con mắt mình khi bấy giờ thì như ngoài người ấy không có ai là con gái”. [3]

Vốn giống tài hoa, thư sinh cảm thấy ở giai nhân một trái tim đồng điệu. Trong tâm hồn tứ thư ngũ kinh của người thiếu niên thế phiệt ấy tình yêu lảng lơ nấn một phím đòn. Theo tiếng huyền ân ái, thơ bắt đầu len vào cuộc đời hoa mộng của cậu học trò ngoan ngoãn. Từ đấy, “mỗi buổi chiều tan học ở phố Gia Ngư về phố Hàng Nón, trừ phi giờ mưa gió, thường tất phải đi quanh qua phố Hàng Bồ”. [4]

Bạn đọc chớ vội cười! Trong lối đào nguyên ai chẳng thế? Khoé mắt thân tình, nụ cười giảng gió vốn từ ngàn xưa vẫn là abc của nghệ thuật yêu đương. Rồi sớm mận tối đào, rồi trăng thề quạt ước... Kẽ thư sinh khắc khoải vẫn mong diễn lại lớp trò đầu của tích chàng Kim ả Thuý. “Tắm lòng ao ước ngỏ cùng một người anh em bạn học đồng canh. Người bạn đi nói giúp việc mỗi. Cứ bên nhà người con gái thời việc có nhẽ xong; bên nhà mình thời ông anh chỉ bảo một câu rằng: Nhà ta nghèo như thế lấy đâu được song mã mà cưới?” [5]

Tình duyên đành gác một bên, cậu ấm thất vọng theo ông anh về phủ Vĩnh Tường, quyết chuyên tâm vào sự học, những mong tiền đồ khoa cử sẽ đem lại cho mình cảnh “võng anh đi trước võng nàng theo sau”.

Đằng đẳng bốn năm trời, trong trái tim đau khách si tình vẫn ấp ủ hình bóng ưu tư của cô hàng tạp hoá.

“Đến lúc thi hỏng luôn hai khoá mà ý trung nhân xuất giá thời đời đáng chán hay không đáng chán cũng chẳng đợi cất chén quỳnh mà hỏi bạn tri âm”. [6]

Thất vọng thành tuyệt vọng. Tiếng đàn ân ái chuyển sang điệu u hoài. Khách tài hoa ôm một tiếc hận nặng nề, nghìn thu không cởi được.

Một tiếng thở dài não nuột từ thâm tâm thư sinh vẳng ra: “Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!” Ngâm rền trong tịch mịch của đêm thu, nó báo hiệu Khối tình con trong sổ văn chương Việt Nam hiện đại, nó khai ngày sinh của thi sĩ Tản Đà.

Rồi, những đêm giảng hiu quạnh, thi sĩ để bay trên mặt giấy những vần thơ ai oán:

*Bồn chồn chín khúc cơn mưa lạnh
Đòi đoạ năm canh bóng nguyệt mờ...*

*Kìa con én trắng đầu đầu lại
Giục cái thoi vàng chóng chóng qua
Buồn quẩn màn hồng hồng chẳng thấy...
Bèo nước hợp tan người mỗi nẻo
Cây ai mà nhẩn một đôi câu...
Một vầng trăng khuất đi mà đứng
Một lá màn treo quẩn lại buông
Ngồi hết đêm sông sông chẳng hết
Chùa ai xa điểm mấy hồi chuông....
Trận gió thu phong rụng lá vàng
Lá rơi hàng xóm, lá bay sang
Vàng bay mấy lá năm già nửa
Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng?
Vì ai cho tóc cứ lênh đênh*

Nặng lắm ai ơi một gánh tình! [7] Toàn những lời thất vọng, trách móc, thở than! Trong thơ ta gặp cả một linh hồn tê tái. Ta muốn ơn cô hàng tạp hoá phố Hàng Bồ, nàng Elvire của thi sĩ Tản Đà. Nhờ cô, ta được ngâm bao nhiêu vần thơ trác tuyệt chan chứa một hận tình thắc mắc. Trong suốt dọc đời thi sĩ, tế Chiêu Quân ở chùa Non Tiên hay khóc Thuý Kiều bạc mệnh, thương nhớ người tình nhân không quen biết hay mơ tưởng đến cố hữu Chu Kiều Oanh, - những đề hứng buồn và đẹp ấy đều bắt nguồn trong giấc mộng phù hoa thú nhất của cậu học trò mười chín tuổi. Thi sĩ có đa tình là chỉ đa tình với kỷ niệm ái ân đầu tiên ấy. Bao nhiêu năm chìm nổi cũng không xoá nhoà được hình ảnh thân yêu của người hồng phấn nữ phố Hàng Bồ.

*

Lịch sử văn học đã chứng thực nhiều lần mối quan hệ mật thiết của tình yêu đầu tiên đối với nhà văn, nhất là nhà thơ. Khi nhà thơ mới lớn, trái tim và khối óc đang trắng phau, một cái gì lẫn qua là in dấu vết lại không tài nào gột sạch. Huống hồ lại là vết yêu đương! Một bóng giai nhân, lúc đó, có thể định đoạt được cả một kiếp người.

Ở đây tôi chỉ đơn cử một chứng cứ văn chương để làm sáng điều tôi vừa ký nhận. Một chứng cứ rất thú vị chưa từng thấy trong thi giới ta. Tôi muốn nói cái tình duyên đầu tiên của thi sĩ Baudelaire. Năm ấy thi sĩ mười tám tuổi và thường cùng một người bạn, Privat d'Anglemon, lui tới một tửu lâu hạ cấp phố La Harpe (Paris). Ở chốn này thi sĩ được biết một gái đi người Do Thái tên là Sarah. Về đức hạnh kỹ nữ, thi sĩ đã tả rất chua chát trong một câu: “Nàng đã bán rẻ linh hồn để mua một đôi giày”. Các nhà văn học sử cận đại đều đồng ý cho người gái đi Do Thái ấy là nguồn cảm hứng của tập thơ tuyệt tác *Fleurs du Mal*. Ta hãy nghe thi sĩ nói về cuộc đi lại ghê sợ ấy:

*Elle louche, et l'effet de ce regard étrange
Qu'ombragent des cils noirs plus longs que ceux d'un ange
Est tel que tous les yeux pour qui l'on s'est damné
Ne valent pour moi son oeil juif et cerné.
Elle n'a que vingt ans; la gorge déjà basse*

*Pend de chaque côté comme une calebasse
Et pourtant me tratnant chaque nuit sur son corps
Ainsi qu'un nouveau né, je la telle et la mords.
Et bien qu'elle n'ait pas souvent même une obole
Pour se frotter la chair et pour s'oindre l'épaule
Je la leche en silence, avec plus de ferveur
Que Madeleine en feu les deux pieds du Sauveur .*

Dịch nghĩa:

*Mắt nàng lác, và mãnh lực của cái nhìn kỳ quái ấy,
Cái nhìn bị ẩn dưới bóng những lông mi đen dài hơn mi của thiên thần,
Hiệu nghiệm đến nỗi khiến tôi thấy rằng tất cả những cặp mắt đẹp đã làm đắm người đời
Đều không giá trị bằng con mắt Do Thái thâm quầng của nàng.
Nàng mới có hai mươi tuổi, mà đôi vú đã trĩu xuống
Treo lủng lẳng ở hai bên ngực như hai quả bầu
Thế mà đêm nào tôi cũng rầy rụa trên thân hình nàng
Như một đứa trẻ mới đẻ, tôi bú và cắn nàng.
Và tuy rằng thường thường nàng chẳng có đến một đồng xu
Để tắm gội xác thịt và tắm dầu đôi vai
Tôi cũng cứ âm thầm liếm thân thể nàng, say mê hơn cả
Nữ thánh Madeleine nhiệt tình quỳ liếm đôi bàn chân của đấng Cứu Thế.* Kết cục, chàng thanh niên thi sĩ hư hỏng ấy bị nàng truyền cho bệnh hoa liễu. Trong một cuốn sách nói về thân thể và sự nghiệp Baudelaire, nhà phê bình John Charpentier thuật đến đoạn này, có viết: “Tính cách ghê tởm của tấn thảm kịch đó ảnh hưởng quyết định đến số kiếp thi nhân. Từ đó, Baudelaire cứ tưởng vâng theo những bản tính thân thích khi đắm mình trong cuộc truy hoan... Đeo nặng trên lưng tâm cái tội gốc, chàng cứ lăn lóc suốt đời trong truy lạc...”, [8] và “Baudelaire đã viết: Văn minh không phải ở điện khí, cũng không phải ở hơi nước... mà chính ở chỗ làm giảm bớt dấu tích của tội gốc trong lòng người. Coi đó Baudelaire tin ở tội lỗi.” [9] Tin tưởng này là nền tảng luân lý của tâm hồn Baudelaire. Nó cũng là nguồn cảm hứng vô tận của thi sĩ. Tập thơ bị người đời kết án, Les Fleurs du Mal, chỉ là biểu thị mỹ thuật của tin tưởng ấy. Cũng bởi cô gái dĩ Do Thái đã đi qua khoảng đời niên thiếu của nhà thi hào bất hủ... Trái hẳn Baudelaire, thi sĩ Tản Đà đã gặp một giai nhân hiền hậu. Cậu học trò trường Quy thức, lúc thầm yêu trộm nhớ cô hàng tạp hoá phố Hàng Bồ, đã làm gì có quan niệm về tình ái. Chàng chỉ yêu trong mộng tưởng. Chung quanh người đẹp, chàng thuê dệt bao nhiêu ảo ảnh. Đó là một tình yêu tinh thần. Tình yêu của một nhà nho! Rồi khi tình yêu, vì cảnh đời ngang ngửa, không kết quả được thành hôn nhân, thơ sinh liền mang nặng trong tâm hồn hình ảnh người yêu với tất cả ảo tưởng đẹp đẽ của nó. Suốt đời, thi sĩ Tản Đà chỉ thờ phụng tình yêu và người yêu ấy. Nhờ hai bảo vật này, tâm hồn nho của nhà thơ thêm nhu nhuyễn và đa cảm. Phát hiện tuyệt đối của trạng thái tâm lý đó là bài khóc tế Chiêu Quân ở chùa Non Tiên.

*Giời Nam thẳng kiết là tôi
Chùa tiên đất khách khóc người bên Ngô
Tôi với cô, tôi với cô*

Trước sân lễ bạc có mồ nào đây Trong bài tể, thi sĩ để lộ một tâm hồn đa cảm vô cùng tế nhị. Thương người bạc mệnh vùi xương ngàn năm ở đất Hồ, thi sĩ cất tiếng ai điều số kiếp buồn tênh của con người hồng phần:

*Ô hô Chiêu Quân
Phương cốt hữu tận
U khảm vô kỳ
Minh nguyệt độc cử
âm vân không thuỳ
dịch nghĩa:*

*Ô hô nàng Chiêu Quân
Nằm xương thơm của nàng có thể mất
Mà mối hận u uất của nàng không có thời hạn nào
Chỉ có trăng sáng soi thấu*

Thì lại bị mây đen che khuất [10] Mấy câu này đủ nói dài về tính chất lãng mạn của thi sĩ Tản Đà, một tâm hồn dễ xúc động, dễ bị đốt nóng bởi những trạng huống tâm lý của đời tài hoa xấu số. Tản Đà khóc Chiêu Quân cũng như Nguyễn Du khóc Thuý Kiều, Chu Mạnh Trinh khóc Nguyễn Du. Cùng giống đa tình, các bậc thi nhân ấy đã giảng dạy cho người đời một yêu thương mênh mông và tha thiết, một yêu thương vô tận, không bờ bến, không địa giới. Ở điểm này, thi sĩ Tản Đà là nối tiếp tinh thần của thơ ca Việt Nam cổ hữu. Trường thơ lãng mạn hiện đại của các ông Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Vỹ,... nhận Tản Đà là người khởi xướng cũng chỉ là công bằng và hợp lý.

*

Tình yêu đã đánh thức Nàng Thơ trong tâm hồn thi sĩ. Thất vọng lại gieo thêm vào một cung điệu nào nùng. Trong mười năm hơn, giữa những gió lốc bụi mù của thế kỷ, Nàng Thơ ấy đã gầy rẻo rất cung điệu ấy trong cảnh hoang tàn của bao nhiêu cõi lòng hiu quạnh...

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!...

Chú thích

[1]Chúng tôi uống rượu ở trên gác căn nhà số 417 tại Bạch Mai, chỗ cụ Tản Đà mở phòng xem số Hà Lạc và dạy Hán văn. (Tất cả các chú thích ở đây đều là nguyên chú của Trương Tửu.)

[2]Chuyện này và mấy câu thơ ấy, chính cụ Tản Đà thuật lại với chúng tôi.

[3]Trích trong tập Giấc mộng lớn của Tản Đà.

[4]Như trên

[5]Như trên

[6]Như trên

[7]Trích trong tập Khối tình con xuất bản năm 1918.

[8]Beaudelaire par John Charpentier. Editions Jules Tallandier

[9]Như trên.

[10] Bài tế này làm bằng Hán văn. Đã có bản dịch của Ông Huyện Nể Xuyên Nguyễn Thiện Kế. Một số câu trích ở trang bên là của Ông Huyện Nguyễn. Riêng mấy câu này tôi thấy ở bản dịch lời quốc văn không đạt hết nguyên ý Hán văn, nên tôi không trích ra đây. Và tôi tạm dịch xuôi nghĩa để lý hội được chu đáo nguyên ý của tác giả.

Nguồn: Tạp chí Ngày Nay (Hà Nội) tháng 11. 2004

Trương Tửu

Uống rượu với Tản Đà

Phần 2

(Phê bình và định giá một thi sĩ đại biểu cuối cùng của thơ cũ Việt Nam)

III. Tớ còn chơi!

“Sau lúc tế nàng Chiêu Quân (1913), từ giã các bạn Non Tiên, lại xuôi về nam với quan huyện Nê Xuyên... Hết xuân sang hạ, ở Nam Định về Sơn Tây rồi vào ở tại ấp Cổ Đằng. Trong giấc phù sinh lại sinh xuất có một đoạn rất ly kỳ quái ảo. Ấp Cổ Đằng địa phận về hạt huyện Tùng Thiện; từ tỉnh lỵ Sơn Tây vào ấp chừng độ 14 cây số, đất sỏi đường đồi... Mình từ khi ở ấp, bốn bề phong cảnh phải đâu như Hàng Nón Hàng Bồ, gió hót giăng treo, rừng reo suối chảy. Cái bụng chán đời đến cực điểm, quyết mong tịch cốc để từ trần. Tiếc không nhớ là bắt đầu từ hôm nào thôi sự ăn cơm, chỉ khát không chịu được thời còn phải uống nước. Ba hôm như thế, sầu khổ không thể chịu được nữa, thời lại phải uống rượu. Rượu uống cũng uống suông, mà uống đến thật say. Nguyên đã ba hôm không ăn, trong bụng hư không lại một phen say rượu mê ly, thành ra từ đấy về sau khác hẳn từ đấy về trước. Bụng không biết no không biết đói; người không biết vui không biết buồn; chỉ cứ mỗi ngày một bữa rượu, hoặc uống suông hoặc ăn một đĩa rau dưa nhỏ con, xong rồi đem chõng ra nằm ở dưới cây ngọc lan, nghe những con chim kêu trên cành cây hoặc là xem những đám mây đi trên giời, con chim bay trên không xem kết cục đến đâu là hết ...” [1]

Ta tưởng vừa được đọc một đoạn nhật ký của tín đồ Trang Lão lấy yếm thế làm chủ nghĩa, lấy vô vi làm thái độ, lấy ẩn dật làm trạng thái sinh hoạt.

Đâu phải thế.

“Ở Cổ Đằng ba tháng rồi theo mệnh lệnh gia đình phải về trên quê ở. Từ khi về ở quê, đương ăn rau dổi ra ăn thịt. Mỗi ngày cũng chỉ có một bữa ăn, hoặc là cái thủ heo hoặc con gà con vịt, hoặc con cá, tất toàn thể đặt trong mâm với con dao đĩa muối; rượu thì uống hũ không uống chai. Bữa ăn cũng rất vô thường; nếu về đêm có khi thấp hai mươi tám ngọn nến gọi là nhị thập bát tú, thấp bảy ngọn nến gọi là thất tinh đàn. Bữa ăn nếu về phần ngày thời sau khi ăn xong tất phải có con dao thanh quắm đi chém phạt ít nhiều cành cây như không thể thời không thấy thú sướng... Lại như những con gà con vịt nếu không được tự tay mình cắt tiết thời ăn không thấy ngon... Ở nhà quê cũng vừa đúng ba tháng rồi lại phải theo mệnh lệnh gia đình sang phủ Vĩnh Tường để ăn cơm. Trước khi ăn cơm phải học tập ăn cháo. Một người đàn bà có quen biết là con gái quan Tri phủ ở đó có nhắn: ông ấm đã biết ăn cơm chưa?” [2]

Mấy lời tự thuật này phải của một tín đồ Epicure, tôn thờ khoái lạc. Chính tư tưởng tôn thờ khoái lạc này, phần lớn, đã xua đuổi trạng thái chán đời ra khỏi tâm hồn thi sĩ Tản Đà. Nó đem vào cuộc sinh hoạt của ông ấm Hiếu một số lượng vô tư lự rất cần thiết cho việc hưởng thụ khoái lạc. Nó được kết tinh rõ rệt nhất trong bài Còn chơi của nhà épicurien Nguyễn Khắc Hiếu. Và luôn luôn nó làm giương cột luân lý cho đời thi sĩ.

Tư tưởng epicurien ấy, ở Tản Đà, phát lộ ra trong ba tâm lý: 1) Sợ già; 2) Sợ chết; 3) Khát sống. Bởi sợ già nên tiếc xuân. Bởi sợ chết nên khát sống, mà sự sống lại vô tận, nên phải đem rất nhiều nghệ thuật vào cách sống. Mục đích là hưởng được rất nhiều khoái lạc trong một thời gian rất ngắn, - đời người.

“Người có tình, xuân không có tình. Mình tiếc xuân, xuân tiếc chi mình; mình thương xuân, xuân chẳng thương mình, thời mình thương tiếc mình nên hơn tiếc xuân.

Xuân kia sáu bảy mươi lần

Của giới tham được độ ngần ấy thôi

Chơi hoang mất nửa đi rồi

Ngấn ngơ ngồi nghĩ thân đời mà lo

Trông gương luống đã thẹn thò

Một mai tóc bạc vai gù mới dơ

Thương thay! Xuân chẳng đợi chờ

Tiếc thay xưa những hững hờ với xuân

Trăm nghìn gửi lạy đông quân

Hãy khoan khoan tới hãy dần dần lui

Lượng xuân xin chớ hẹp hòi [3] Tình yêu đời thật là tha thiết, thật là đắm đuối! Nó được thi sĩ hàm dưỡng trong tâm hồn rất phong phú, ca tụng trong thơ ca rất đắm thắm, ứng dụng vào thuật sống rất ham mê. Nhưng ở Tản Đà, nó khuynh về vật chất nhiều hơn về tinh thần. Ăn ngon, uống rượu ngon, nghe nhiều, trông nhiều, đi nhiều, nói nhiều, cười nhiều..., hưởng thú hương phần nhiều, tất cả Tản Đà ở chữ nhiều ấy, hoặc nói đúng hơn, ở chỗ nỗ lực đi đến cái nhiều ấy. Nhưng đây là cái “nhiều” có tổ chức, có mỹ thuật, phức tạp mà chẳng bộn bề, chông chênh mà không hỗn độn.

Ta hãy nghe thi sĩ epicurien bàn về sự ăn ngon:

“Đồ ăn không ngon thời không ngon, giờ ăn không ngon thời không ngon, chỗ ngồi ăn không ngon thời không ngon, không được người cùng ăn cho ngon thời không ngon... ăn mà có lo nghĩ sao cho ngon? Có tức giận sao cho ngon? Có sợ hãi sao cho ngon? Có thương tủi sao cho ngon? Có hổ thẹn sao cho ngon?”

Ta lại nghe thi sĩ luận về văn chương:

“Văn chương có giống như mâm cỗ. Đĩa cá lạng, đĩa dấm ngọt thời người thường dễ ăn, còn miếng mắt miếng xương phải đợi con nhà gỏi.

Văn chương có giống như thịt chim. Sào, thôn, nướng chả thì dễ chín, hấp cách thủy lửa không đến mà nhừ hơn.”

Thật là duy vật hết chỗ nói!

Thêm vào những lời ấy, vài câu thơ nữa:

Thế sự nhất phù vân chi cảnh

Những ai mê ai tỉnh đã ai ai?

Khéo vô đoan khóc hão lại thương hoài

Thú trần giới có ăn chơi là bực nhất...

ta sẽ có chân dung trăm phần trăm của người epicurien.

Tớ còn chơi! Đời chưa chán tớ tớ còn chơi !... Đó là điệp khúc thân yêu của nhà thơ duy vật ấy!

Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân Hương... hẳn được hã hê có một người tiếp tục như thi sĩ Tản Đà.

*

Đã yêu cái sống vật chất đến say sưa, đã bận óc mưu toan cách sống cho được hưởng nhiều khoái lạc, tất nhiên không bao giờ tâm hồn bay bổng lên những tầng tinh thần cao thẳm. Bởi vậy, thơ Tản Đà thiếu cánh. Nó không phải là con hạc lượn khúc trên đám mây. Nó là con sơn ca nhảy nhót trên cành. Nó không là con chim bằng cưỡi gió vượt trùng dương. Nó là con sẻ tinh khôn biết tìm đến những vựa thóc thơm ngon. Nó nhiều cảm giác hơn cảm tình, nhiều cảm tình hơn tư tưởng. Nó thiếu nghị lực, thiếu thần bí.

Đối với Tản Đà cái quan trọng là sự sống, - một biến cảm giác; thơ ca chỉ là những bến vui rải rác men bờ. Tản Đà không phải là một thi nhân thuần túy. Tản Đà chỉ là một khách tài hoa lạc vào thi giới.

III. Đòi đáng chán hay không đáng chán?

Đòi đáng chán hay không đáng chán?

Cất chén quỳnh riêng hỏi bạn tri âm... Ai là bạn tri âm của con người tài hoa ấy? Nàng Chu Kiều Oanh trong Giấc mộng con hay kỹ nữ Vân Anh trong Thề non nước?

Không!

Bạn tri âm của thi sĩ Tản Đà chính là nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu.

Đòi đáng chán biết thôi là đủ

Sự chán đòi xin nhủ lại tri âm

Nên chăng? Nghĩ lại kéo nhăm.

“Nên chăng?” Thi sĩ trả lời: Nên!; nhà nho trả lời: Không! Nhà nho đã thắng. Thắng rất dễ dàng vì thi sĩ, ngoài một vài phút quá chán chường, cũng phản đối tư tưởng chán đời. Thi sĩ là một người epicurien.

Có điều khác là thi sĩ yêu đời để chơi và hưởng thụ khoái lạc; còn nhà nho yêu đời để phụng sự đạo thánh hiền. Trong mỗi nho sĩ đều có một hoài bão kinh bang tế thế. Trong đầu óc nho sĩ Nguyễn Khắc Hiếu thì cái cái mộng Y Doãn, Chu Công lại càng quả quyết lắm.

“Khoảng năm mười một mười hai tuổi, học ông anh ở nhà, có câu đối ra rằng: Nhiếp hồ đại quốc chi gian

đối: Ngật như cự nhân chi chí.” [4]

Cậu học trò mười một, mười hai tuổi mà khẩu khí đã hùng thế, tất phải dùng cuộc đời vào việc đẩy xe Khổng Khâu đi hành đạo. Chẳng may đã không được mặc áo xanh, lại để mất người hồng phấn, cậu học trò nho ấy đành xếp mộng Y, Chu một nơi, trốn vào ấp Cổ Đằng làm anh chàng yếm thế.

Chợt đến “sang đầu năm Duy Tân thứ mười, ông anh tạ thế, đến tháng năm năm ấy một người cháu ruột lại từ trần; cái cảnh bi thương trong gia đình hợp với cái cảnh ngộ bần hàn của thân thế, khiến cho kẻ chán đời chẳng được thời lại phải tùy thời tùy thế mà sinh nhai lối dọc đường ngang”. [5]

Đời thực tại đánh tan cái váng chán đời trong tâm hồn nho sĩ và để lộ hẳn ra cái bản chất thực nghiệm di truyền của cậu ấm nhà họ Nguyễn. Sinh nhai lối dọc đường ngang, thi sĩ phải mang thơ văn làm hàng buôn bán.

“Hai phen diễn kịch ở Hà Nội, Hải Phòng, cùng là các thứ sách, truyện Khố tình con, Giấc mộng con, Khố tình chính, phụ, Đài gương kinh truyện, Lên sáu, Lên tám đều là những công việc làm ăn trong khoảng mấy năm nay vậy.”

Hoàn cảnh gia đình đã khôi phục tinh thần thực nghiệm trong tâm trí chàng thư sinh nghèo nàn ấy. Phải lăn mình vào cuộc sống để thỏa mãn những nhu cầu vật chất của gia đình, chàng

không còn thời giờ mà thở than, buồn rầu, mơ mộng nữa. Muốn tranh sống phải thiết thực. Lãng mạn là thất bại. Luật chiến đấu này đã kích thích chàng rất mạnh. Bao nhiêu tính chất thực nghiệm của di truyền, phút chốc chồm dậy đòi quyền giám đốc bấy lâu nay bị Nàng Thơ chiếm đoạt.

Người thanh niên nho sĩ của chúng ta vội đi tìm những món ăn tinh thần mới để đủ sức tự ứng dụng vào hoàn cảnh mới. Chàng tìm đến nhà kinh tế học Anh Cát Lợi Stuart Mill, một tín đồ hăng hái của chủ nghĩa thực dụng (utilitarisme).

“Trong các thứ sách dịch, có một quyển đáng nhớ hơn hết là quyển Quyền giới luận. Quyển sách này nguyên là của người nước Anh là Stuart Mill làm ra, người Tàu là Nghiêm Phục đứng dịch. Xem sách thời tự thấy có ích cho mình về tinh thần tiến thủ.”

Ở Tản Đà, nhà nho thực nghiệm đã thắng thi sĩ lãng mạn. Sự chán đời trở thành vô nghĩa lý. Dần dần, trong công việc làm ăn của nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu phôi thai một hoài bão vốn đã có hạt giống từ lâu, - cái mộng làm Chu Công, Y Doãn. Nho sĩ muốn giúp ích cho xã hội. Tinh thần thực nghiệm nhuộm màu hiền triết.

Thiên Tào tra sổ xét vừa xong

Đệ số lên trình Thượng Đế trình:

“Bẩm quả có tên Nguyễn Khắc Hiếu

Đầy xuống hạ giới về tội nông”

Trời rằng: “Không phải là Trời đầy

Trời định sai con một việc này

Là việc thiên lương của nhân loại

Cho con xuống thuật cùng đời hay.”

Nho sĩ đeo lên vai một sứ mệnh. Nhìn quanh ngó quẩn thấy thiên hạ bộn bề, mặt đất thênh thang không bờ bến, chàng lo ngại cho công việc thi hành sứ mệnh của mình. Chàng vội thu hẹp phạm vi hoạt động vào một cõi. Nhân loại thu hẹp trong biên giới quốc gia. Lòng yêu đời biến thành lòng yêu nước.

“Vào chơi đất Trung Kỳ... rộng mắt nhân dân, sơn hải mà nặng lòng chủng tộc giang sơn. Trèo lên đỉnh núi Hoành Sơn mà trông quanh ngoài bể trong non có hơn như phục dưới đèo xanh đọc một thiên luận thuyết tự tôn vậy.”

Kết quả của những tư tưởng, tâm trạng ấy là một ly dị triệt để giữa nhà nho và thi sĩ trong linh hồn Tản Đà. Từ đấy về sau, mười mấy năm trời, lúc ta nghe người thanh niên bông bột ấy diễn thuyết ở hội Trí Tri, lúc ta gặp chàng đứng làm chủ bút tạp chí Hữu thanh, lúc ta thấy chàng chủ trương An Nam tạp chí, lúc ta đọc văn chàng trên tờ Đông Pháp thời báo ở Sài Gòn... Trên vũ đài bút mực, chàng gắng công hoạt động với tất cả tài năng nghị lực của mình. Và chàng sung sướng thấy nguyện vọng được một đôi phần thực hiện.

Tôi viết “một đôi phần”. Tôi nghĩ đến mấy bản dịch thuật Đại học, Kinh Thi, Đài gương truyện. Thực ra, trong công cuộc xuất bản sách và báo, nhà nho Nguyễn Khắc Hiếu chỉ gặp toàn thất bại. Từ Bắc vào Nam, rồi lại từ Nam ra Bắc, mấy phen lặn lội với nghề cầm bút, nho sĩ tự thấy nhiều điều kiện tinh thần để thành công. Trong thế kỷ có những quy tắc gang thép này, muốn thắng, phải nhanh nhẹn, căn cơ, gian hùng, độc ác, tàn nhẫn. Tóm lại phải có đủ đức tính của một người hoạt động, đủ mưu mô mềm cứng của một kẻ kinh doanh. Nho sĩ của chúng ta thiếu tất cả những điều kiện đó nên thất bại. Chàng có phải là một nhà kinh doanh đâu! Chàng chỉ là một khách tài hoa lạc vào địa hạt thương trường. Chàng cũng chẳng phải là một người hoạt

động. Chàng chỉ là một kẻ giang hồ hăm hờ ghé bến Y, Chu ít lâu rồi lại xuống tàu, nhổ neo sống nốt kiếp bình bồng.

Nhận lấy sứ mệnh làm sáng thiên lương, nho sĩ Tản Đà đã làm một việc trên sức mình. Đó chỉ là ảo mộng của nhà nho. Gặp những lực lượng tàn phá của đời thực tại, ảo mộng ấy vỡ tan như bóng xà phòng trước gió. Sự tan vỡ này ném nho sĩ Tản Đà từ bên kinh doanh, hoạt động sang trả lại thi ca. Nhưng lần này, thi sĩ réo rất tiếng cầm với một cung điệu khác. Cung điệu ngông cuồng của một người bất đắc chí. Trong cái ngông này hàm súc một buồn náo thê thảm, - cái buồn của những chiều tàn.

Công danh sự nghiệp mặc đời

Bên thời be rượu bên thời bài thơ

Ngông và mộng ở Tản Đà có hai thứ ngông: cái ngông của nhà nho và cái ngông của thi sĩ. Một cái dùng làm phương châm sinh hoạt, một cái dùng làm đề hứng thơ ca. Một cái ứng dụng vào đời, một cái ứng dụng vào mộng. Hai cái giảng nghĩa lẫn nhau, liên kết với nhau, in vào thơ Tản Đà một sắc thái đặc biệt.

Trước hết Tản Đà tiên sinh là một nhà nho. Nhà nho di truyền, vì giáo dục, vì hoàn cảnh gia đình. Nhưng tiên sinh là một nhà nho bất đắc chí, thất bại trong cuộc sống. “Mỗi phen ra đời lại một phen thất bại; mỗi một phen thất bại, đầu tóc lại bạc thêm”. [6] Tiên sinh thất bại vì thiếu tất cả điều kiện để thành công. Hơn nữa, tiên sinh có tất cả điều kiện để làm hỏng việc. Tiên sinh đem tài hoa vào doanh nghiệp. Nhưng bởi quá giàu tự ái, tiên sinh vẫn tin rằng mình có tài, chỉ vì không gặp hoàn cảnh thuận tiện nên thất bại. Cái tin ấy là đầu mối của cái ngông. Người ngông, ít nhất, phải tự thấy mình cao hơn đời, giỏi hơn đời. Ngông chỉ là một biến thể của kiêu ngạo. Ngông để mà khinh. Cái ngông này ta đã thấy ở các nhà nho bất đắc chí như Cao Bá Quát, Tú Xương...

Tản Đà tiên sinh cũng thuộc về loại nho sĩ ấy. Ở con mắt tiên sinh tất cả đều tầm thường. Tiền tài danh vọng đều vô giá trị. Những cái gì người đời ưa chuộng, tiên sinh khinh. Tiên sinh có phải là người đời đâu. Tiên sinh là một trích tiên! Suốt đời, tiên sinh chỉ khao khát có hai điều: gặp tri kỷ và gặp giai nhân.

Tri kỷ không gặp, tiên sinh đành nói chuyện với bóng, với ảnh, với...trời.

Ngồi đây ta nói sự đời

Ta ngồi ta nói, Bóng ngồi bóng nghe

Cõi đời từ cất tiếng ve

Đã bên ngọn lửa lập lòe có nhau

Tương tri từ ấy về sau

Đôi ta một bước cùng nhau chẳng dời

Bóng nghe bóng cũng gật đầu

Người đâu cũng giống đa tình

Ngỡ là ai lại là mình với ta

Mình với ta tuy hai mà một

Ta với mình sao một mà hai?

Trời lại phê cho: “Văn thật tuyệt!

Văn trần được thể chắc có ít

Nhời văn chuốt đẹp như sao băng

Khí văn hùng mạnh như mây chuyển

Êm như gió thoảng tình như sương

Đầm như mưa sa lạnh như tuyết

Chẳng hay văn sĩ tên họ gì

Người ở phương nao ta chưa biết?”

Dạ bẩm lạy Trời con xin thưa

Con tên Khắc Hiếu họ là Nguyễn

Quê ở Á Châu về địa cầu

Sông Đà núi Tản nước Việt Nam” Giai nhân không gặp, tiên sinh tạo ra một cô tình nhân không quen biết, một kỹ nữ tài hoa (Vân Anh)

Câu tri kỷ cùng ai tri kỷ

Chuyện chung tình ai kể chung tình

Bụi hồng vắng vẻ mắt xanh

Mình ơi ta nhớ mà mình quên ta

Rồi một lúc ngẫu hứng, tiên sinh kết tinh tri kỷ và giai nhân vào một người đẹp rất thông minh: nàng Chu Kiều Oanh. Từ đấy về sau tiên sinh chỉ giao thiệp bằng tinh thần với con người mộng tưởng ấy. Ngoài nàng ra, ai cũng nhỏ bé, ai cũng tục tĩu. Mà nàng là ai? Nàng chỉ là tiên sinh vậy. Tinh thần duy ngã độc tôn, ở Tản Đà, phát triển đến cực độ. Tiên sinh chỉ nhìn thấy mình, chỉ nói đến mình, chỉ ca tụng có mình.

Toàn thể văn nghiệp tiên sinh là một tiểu sử trung thành và đầy đủ.

Vì lẽ đó nên Tản Đà tiên sinh ngông mà nhận thức được cái ngông của mình. Ngông một cách sáng suốt và thích chí. Lúc theo quan huyện Tam Dương bỏ Vĩnh Yên về Hải Phòng, tiên sinh viết: “Lạ thay! Một kẻ bần nhô không có thước đất nào trước sau đem hơn hai nghìn đồng bạc vừa ăn tiêu vừa sang sửa tô điểm khu đồi ở Định Trung, một khi bỏ đó như không, ở mạn rừng lại trôi về mạn bể. Nhân sinh phù thế, bịt mồm ai, ai dễ nhịn cười chẳng?”

Hình như tiên sinh lấy làm khoái lăm khi thấy thiên hạ cười mình là ngông cuồng, rồ dại. Viết đến đây tôi lại nhớ đến Baudelaire. Bình sinh, thi sĩ chỉ làm toàn những việc, nói toàn những câu ra ngoài lẽ thường. Và mỗi lần như thế, thi sĩ lại hỏi một người có mặt: “ông ngạc nhiên lăm có phải không?” Câu hỏi này mô tả đầy đủ cái sung sướng kỳ quặc của thi sĩ. Làm người khác ngạc nhiên vì mình chẳng phải là mục đích của thi sĩ đó sao?

Với ít suồng sã và trơ tráo hơn, Tản Đà tiên sinh cũng có tâm lý ấy của thi sĩ Baudelaire. Tâm lý một người ngông có ý thức. Mỗi lần thất bại, tiên sinh lại ngông thêm một ít. Cái ngông này chính là nguyên nhân của cái thất bại sau. Và đời tiên sinh cứ như thế... Rút cục, ngông thành một triết lý của kẻ chiến bại tự trọng. Hơn nữa, nó thành một bản ngã thứ hai của Nguyễn Khắc Hiếu tiên sinh. Nó là dấu hiệu của tài hoa.

Cái ngông của thi sĩ chỉ là cái ngông của nhà nho, nhìn ở một cạnh khác. Thi sĩ ngông để giải thoát.

Một lần nói chuyện với tiên sinh, tôi có hỏi: “Thưa cụ, trong các bài thơ cụ đã làm, cụ có thể cho biết cụ thích bài nào nhất?” Không suy nghĩ, tiên sinh trả lời ngay: “Tôi thích nhất bài ca làm trong tập Giấc mộng con thứ hai để Tây Thi hát”.

Rồi tiên sinh ngâm, sáng khoái:

Non xanh xanh

Nước xanh xanh

Nước non như vẽ bức tranh tình

*Non nước tan tàn
Giọt lệ tràn năm canh!
Đêm năm canh
Lụy năm canh
Nỗi niềm non nước
Đố ai quên cho đành?
Quên sao đành?
Nhớ sao đành?*

Trần hoàn xa cách

Bồng Lai non nước xanh xanh! Ngâm xong, tiên sinh giải thích: “Ông tính, Chiêu Quân đánh tỳ bà, Dương Quý Phi say rượu đứng dậy múa. Tây Thi cất giọng hát mà mình ngồi nghe thì còn gì khoái hơn nữa! Bấy giờ mình cứ tưởng mình chính là Đường Minh Hoàng trong cung điện đang cùng mỹ nhân thưởng thức điệu Nghê Thường.” Tiên sinh cười lớn, kết luận: “Nghĩ lúc ấy thật cũng sướng cho cái đời văn sĩ của mình!”

Câu chuyện này đủ chứng thực rằng, Tản Đà thi sĩ chỉ mượn những mộng văn chương để sống cái nông vô biên ấy của mình và dùng cái nông vô biên ấy để thoả mãn một nhu cầu giải thoát. Mấy lần mộng, mấy lần lên trời, gửi thư lên cung trăng hỏi chị Hằng làm vợ... Tất cả những hành vi văn chương ấy chỉ là những mộng để tiên sinh vượt khỏi thực tế. Ở thực tế, mình nhỏ thì phải tạo ra mộng để thành lớn. Thế thôi!

Cho nên, mộng Tản Đà mặc áo thơ mà thiếu chất thơ. Nó là sản vật của trí tưởng tượng hơn là bản thể của tâm hồn. Trong thai nghén của mộng vẫn có cái nông của nhà nho thất thế.

*

Tôi nói nhà nho và tôi dụng tâm nhắc đi nhắc lại danh từ ấy. Vì tôi nhận thấy rằng Tản Đà tiên sinh là nho sĩ hơn là thi sĩ, là nho sĩ tài hoa hơn là nho sĩ chính thống. Tiên sinh nông hay mộng cũng vẫn giữ cốt cách nho gia.

Một lần, vào khoảng 1926, Nguyễn Thái Học, nguyên lãnh tụ đảng Việt Nam Quốc Dân, nhờ một người bạn giới thiệu làm quen với tiên sinh. Hồi đó, nhà nho của chúng ta đang nằm ở Vinh, sau lúc An Nam tạp chí đình bản. Nguyễn Thái Học vào thăm tiên sinh mục đích yêu cầu tiên sinh cho tái bản An Nam tạp chí, bao nhiêu tiền, bài vở, ông và các bạn đảm lĩnh hết. Tiên sinh cũng ưng thuận vui vẻ lắm. Câu chuyện bàn trong tiệc rượu. Lúc chủ và khách ngà ngà say, Nguyễn Thái Học mới ngỏ ý muốn tiên sinh viết sự nhượng quyền biên tập An Nam tạp chí thành giấy tờ dứt khoát. Đó chỉ là tính cẩn thận trong công việc. Không ngờ vì thế mà tiên sinh hết sức bất bình, bảo Nguyễn Thái Học: “Thế tức là ông không biết tôi. Ông không hiểu thì hợp tác thế nào được”. Rồi tiên sinh bỏ rượu, ăn cơm, vào nhà trong nằm nghỉ.

Hắn có người ngạc nhiên về thái độ của tiên sinh đối với khách. Nhưng nếu ta hiểu tiên sinh hơn nữa, ta sẽ thấy rằng hành vi ấy tất nhiên phải có. Đối với một nhà nho, sự thủ tín là một đức tính không thể thiếu được. Bắt làm giao kèo tức là không tin ở lòng bền vững của nhau. Một nhà nho không nổi giận sao được! Nhưng nếu tiên sinh là nhà nho thuần túy thì tiên sinh phải giấu cái giận đi rồi tìm cơ mà từ chối sự hợp tác. Như vậy mới phải phép xử thế của người quân tử. Đằng này bỏ khách không tiếp để lộ cái nộ khí của mình, tiên sinh đã tỏ ra một nhà nho phóng lãng không chịu đóng khung thất tình vào những lễ nghi thông dụng. Tiên sinh là một kẻ tài hoa lạc bước vào sân Trình cửa Khổng.

Đời và thơ Tản Đà đặc sắc và có ý nghĩa ở những lạc bước tiền định ấy.

Kết luận

Trong người Tản Đà có ba yếu tố tinh thần: 1) bản chất épicurien (thờ khoái lạc); 2) di truyền Nho giáo; 3) tập quán lãng mạn.

Tiên sinh hưởng cuộc đời theo chủ não người épicurien, hành động theo hoài bão một nhà nho, xử thế theo cốt cách người lãng mạn. Ba yếu tố ấy kết hợp lại thành cái ngông vô biên của tiên sinh. Rồi suốt cuộc đời, tiên sinh chỉ lấy mộng để sống cái ngông ấy. Nhưng trong mộng và ngông, ta đều nhận được một buồn bã nặng nề. Đó là cái buồn của những kẻ tài hoa sống trên đời như một khách lữ hành, không tin tưởng, không hy vọng. Đã coi cuộc thế như một giấc mộng, đã coi sự vật toàn là ảo ảnh, thì còn tin tưởng làm sao được, hy vọng làm sao được? Đời và thơ Tản Đà phù phiếm ngang nhau. Không có gì sâu sắc, không có gì lớn lao, không có gì bay bổng. Nói vậy không phải bảo là đời và thơ tiên sinh không lý thú. Trái lại.

Để kết luận quyển nghiên cứu nhỏ này, tôi nhắc lại:

Tản Đà tiên sinh, vì bản chất, vì di truyền, không phải là một thi nhân thuần túy.

Tiên sinh chỉ là một người thờ khoái lạc, một kẻ tài hoa lạc vào địa hạt thơ ca.

Phát hiện tuyệt đối của cốt cách tài hoa ấy là cái ngông của tiên sinh.

Phạm vi thực hiện được chu đáo cái ngông ấy là cõi mộng văn chương.

Thơ Tản Đà chỉ là biểu thị lỗi lạc của những trạng thái tâm lý phức tạp ấy.

Đọc tới đây, các bạn hẳn đã hiểu rõ tâm hồn Tản Đà tiên sinh. Các bạn cũng đã thấy địa vị tiên sinh trong văn học sử hiện đại. Chỉ có một điều tôi chưa đem bàn luận cùng các bạn là nghệ thuật làm thơ của tiên sinh. Tôi hẹn các bạn đến một quyển sách khác.

Viết trong tháng Janvier 1939

Đại đồng thi xã xuất bản, Hà Nội, 1939.

Chú thích

[1]Trích trong *Giấc mộng lớn của Tản Đà*.

[2]Như trên

[3]Trích trong quyển *Khối tình con*, bản phụ.

[4]Trích trong quyển *Giấc mộng lớn*

[5] Như trên

[6] Như trên

Nguồn: Tạp chí Ngày Nay (Hà Nội) tháng 11. 2004

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>